TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **214**/2019/DS-PT
Ngày: 03/7/2019
V/v: tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Dũng
Cùng các Thẩm phán: Bà Hồ Thị Thanh Thúy
Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Cẩm Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Kiều – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 194/2019/TLPT-DS ngày 21/5/2019 về tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 98/2019/DS-ST ngày 05/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 162/2019/QĐ-PT ngày 18/6/2019 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:*Nguyễn Thị L, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Ấp M, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L là ông D, sinh năm 1957. Địa chỉ: Ấp M, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông D: Luật gia Dương Tiến N – Hội viên Hội Luật gia tỉnh Bến Tre (có mặt).

Bị đơn:

- Nguyễn Thị C, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Ấp P2, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre (có mặt).

- Nguyễn Thị H, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Ấp B, xã PT, huyện TP, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

- Nguyễn Thị S, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Ấp Q, xã HL, huyện TP, tỉnh Bến Tre (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Nguyễn Thị L1, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Ấp Q, xã HL, huyện TP, tỉnh Bến Tre (có mặt).

- Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Ấp P, xã TP, huyện TP, tỉnh Bến Tre (có mặt).

- D, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Ấp M, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Người kháng cáo*: Bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị L.

N DUNG VỤ ÁN:

Theo N dung án sơ thẩm;

Nguyên đơn do ông D đại diện ủy quyền trình bày:

Bà Huỳnh Thị Thâu có sáu người con gồm bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Ch, bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị S. Bà Thâu chết năm 2012. Khi còn sống bà Thâu có sở hữu phần đất có diện tích 5.677m^2 thuộc thửa 117 và diện tích 2.240m^2 thuộc 129 tờ bản đồ số 16, tọa lạc ấp Quí Lợi, xã Hòa Lợi, huyện Thạnh Phú, hai thửa đất do bà Thâu trực tiếp sử dụng và đứng tên kê khai nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Khi bà Thâu còn sống do đã lớn tuổi, sức khỏe yếu và thường xuyên bị bệnh. Các chị em của bà L không người nào trực tiếp nuôi dưỡng bà Thâu nên đã đồng ý cho bà L đưa bà Thâu về sống cùng bà L ở tỉnh Cà Mau. Bà L phải đưa bà Thâu đi điều trị bệnh ở nhiều nơi. Bà L trực tiếp chăm sóc và lo Ch phí điều trị bệnh, tiền thuốc, tiền xe đi lại cho bà Thâu, khi bà Thâu chết ở Cà Mau thì bà L phải Ch trả các Ch phí đưa bà Thâu từ Cà Mau về đến nhà tại xã Hòa Lợi, huyện Thạnh Phú, tổng các Ch phí nêu trên là 100.000.000 đồng. Năm 2012 bà Thâu chết bà L phải Ch các khoản như sau: Ch phí mai táng là 45.000.000 đồng; Ch phí xây nhà mồ là 129.847.000 đồng. Tổng cộng là 274.847.000 đồng. Khi bà Thâu còn sống chưa có phân Cha đất cho các con. Bà Thâu chết không để lại di chúc.

Sau khi bà Thâu chết tất cả 06 chị em thống nhất chuyển nhượng cho bà S iện tích 3.000m^2 thuộc thửa 117, tờ bản đồ số 16, tọa lạc ấp Quí Lợi, xã Hòa Lợi, huyện Thạnh Phú (đo đạc thực tế có diện tích 3.114,7m^2 thuộc thửa 117, tờ bản đồ số 16, tọa lạc ấp Quí Lợi, xã Hòa Lợi, huyện Thạnh Phú) với giá 120.000.000 đồng. Việc chuyển nhượng không có lập hợp đồng theo quy định nhưng tất cả các chị em có viết giấy tay thể hiện việc thỏa thuận chuyển nhượng

đất cho bà S. Mục đích chị em chuyển nhượng đất cho bà S là để lo Ch trả tiền mai táng và xây nhà mồ cho bà Thâu.

Sau khi thỏa thuận xong, bà S có trực tiếp giao cho bà Ch và bà L số tiền 97.000.000 đồng để xây nhà mồ cho bà Thâu. Đồng thời tất cả các chị em có giao diện tích đất chuyển nhượng cho bà S quản lý sử dụng cho đến nay. Thời điểm thỏa thuận thì số tiền 23.000.000 đồng còn lại bà S sẽ giao đủ cho các chị em để làm thủ tục chuyển nhượng đất cho bà S.

Đối với ngôi nhà gắn liền diện tích 2.207,8m^2 thuộc thửa 129 và diện tích 2.562,2m^2, thuộc một phần thửa 117A tờ bản đồ số 16, tọa lạc ấp Quí Lợi, xã Hòa Lợi, huyện Thạnh Phú thì hiện nay do bà H và bà S quản lý nhưng không được chị em đồng ý.

Tổng cộng tiền thuốc, Ch phí tiền xe đi lại, Ch phí mai táng, Ch phí xây nhà mồ bà L phải Ch trả là 274.847.000 đồng. Bà L đã nhận được số tiền 97.000.000 đồng từ tiền chuyển nhượng đất của bà S, số tiền còn nợ lại là 177.847.000 đồng thì các chị em chưa trả lại cho bà L và cũng không đồng ý Cha thừa kế cho bà L.

Thời điểm bà Thâu còn sống bà H không có chăm sóc cho bà Thâu nên bà H hoàn toàn không có Ch số tiền nuôi bệnh bà Thâu là 213.000.000 đồng. Bà L cũng không có nợ của bà S 3.000.000 đồng như bà S trình bày.

Tại phiên tòa bà L yêu cầu bà H, bà L1, bà C, bà Ch, bà S phải có nghĩa vụ giao trả cho bà L số tiền 177.847.000 đồng. Đồng thời bà L yêu cầu được Cha giá trị một phần thừa kế đối với ngôi nhà gắn liền diện tích 2.207,8m^2 thuộc thửa 129 và diện tích 2.562,2m^2, tại vị trí thửa 117A, cùng tờ bản đồ số 16, tọa lạc ấp Quí Lợi, xã Hòa Lợi, huyện Thạnh Phú.

Đối với phần đất đã chuyển nhượng cho bà S thì bà L thống nhất chuyển nhượng cho bà S diện tích đất đúng số tiền bà S đã trả cho các chị em.

Đối với số tiền bà H khởi kiện yêu cầu bà L, bà L1, bà C, bà Ch, bà S trả cho bà là 213.000.0000 đồng thì bà L không đồng ý do bà H không có chứng cứ gì để chứng minh bà H có nuôi mẹ.

Đối với số tiền bà S khởi kiện yêu cầu bà L giao trả 3.000.000 đồng thì bà L không đồng ý, bà L không có nợ bà S.

Đối với vị trí thửa 111, diện tích 3.250,6m^2 ông Liêu Hoàng Sơn đang quản lý sử dụng thì bà L không tranh chấp.

- *Trong quá trình tố tụng bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Bà đồng ý bà Thâu có 06 người con như bà L trình bày. Bà Thâu chết năm 2012. Khi còn sống bà Thâu có sở hữu phần đất tại thửa 111, diện tích 3.250,6m^2 hiện nay do ông Liêu Hoàng Sơn đang quản lý sử dụng; diện tích 5.677m^2 thuộc thửa 117; diện tích 2.240m^2 thuộc thửa 129, cùng tờ bản đồ số 16 do bà Thâu sử

dụng. Năm 2012 bà Thâu chết thì tất cả chị em đã thống nhất chuyển nhượng cho bà S tại vị trí qua đo đạc thực tế có diện tích 3.114,7m^2 thuộc một phần thửa 117 với giá 120.000.000 đồng. Bà S đã trực tiếp giao cho bà L, bà Ch 97.000.000 đồng. Bà S trực tiếp giao cho bà 13.000.000 đồng để bà làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho bà S và làm Ch phí đi kiện đòi đất ông Liêu Hoàng Sơn. Bà S giao cho bà C 10.000.000 đồng để mua đá hoa cương về dán mộ cha mẹ nhưng bà L, bà L1 không cho nên số đá bà C mua hiện nay đã bị hư hỏng.

Khi thỏa thuận chuyển nhượng đất cho bà S, do chị em trong gia đình còn thuận thảo, tin tưởng nhau nên chỉ làm giấy tay mà không lập hợp đồng theo quy định. Sau khi chuyển nhượng xong, các chị em thống nhất giao đất cho bà S trực tiếp quản lý, sử dụng mà không có ai cản trở gì. Do đó bà đồng ý tất cả chị em phải làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho bà S.

Đối với diện tích 2.562,2m^2, tại vị trí thửa 117A, tờ bản đồ số 16, tọa lạc ấp Quí Lợi, xã Hòa Lợi, huyện Thạnh Phú thì diện tích này không phải của bà Thâu. Phần đất này nhà nước cấp cho bà nhưng khi bà Thâu còn sống bà để bà Thâu đứng tên kê khai. Nay bà Thâu đã chết thì không còn là tài sản của bà Thâu nên các chị em phải trả lại cho bà để bà sử dụng đất làm điều kiện sinh sống. Việc bà được nhà nước cấp phần đất nêu trên thì bà không có giấy cấp đất để cung cấp cho Tòa án.

Đối với ngôi nhà và diện tích 2.207,8m^2 thuộc thửa 129, tờ bản đồ số 16, tọa lạc ấp Quí Lợi, xã Hòa Lợi, huyện Thạnh Phú thì là di sản của bà Thâu. Từ trước đến nay bà S là con gái út sống cùng bà Thâu nhưng chị em bà chưa giao cho bà S toàn bộ phần đất này. Do đó bà đồng ý bán phần đất này để trả nợ nếu còn dư sẽ Cha điều cho 6 chị em.

Đối với vị trí thửa 111, diện tích 3.250,6m^2 ông Liêu Hoàng Sơn đang quản lý sử dụng là do ông Sơn lấn Chếm của bà Thâu. Hiện nay bà đang tranh chấp với ông Sơn tại xã Hòa Lợi để đòi lại thửa đất này.

Đối với số tiền 177.847.000 đồng theo yêu cầu khởi kiện của bà L thì bà không đồng ý. Bà thừa nhận bà L có chăm sóc bà Thâu. Khi bà Thâu bị bệnh đi khám ở bệnh viện có bảo hiểm nên Ch phí tiền thuốc không đến 100.000.000 đồng. Đối với Ch phí mai táng 45.000.000 đồng bà không đồng ý do khi làm đám tang thì gia đình có nhận tiền cúng điếu và đủ để Ch trả các Ch phí làm đám. Đối với Ch phí xây nhà mồ là 129.847.000 đồng thì bà không đồng ý. Khi làm nhà mồ thì bà L đã nhận 97.000.000 đồng tiền bán đất từ bà S nên đã đủ làm nhà mồ và không còn nợ lại bà L. Tất cả các khoản yêu cầu của bà L là không hợp lý. Nếu bà L chứng minh được các khoản Ch hợp lý, rõ ràng có chứng từ được các chị em thừa nhận và có biết thì bà đồng ý trả lại cho bà L.

Trong gia đình bà là con cả. Bà luôn hy sinh cho gia đình và chăm sóc bà Thâu trong một thời gian dài; sau đó bà L rước bà Thâu về nuôi. Bà đã chăm sóc bà Thâu bị bệnh nhiều năm nên các Ch phí này lúc đầu bà không yêu cầu nhưng nay bà L đã yêu cầu thì bà phải yêu cầu các chị em trả lại cho bà. Do đó bà vẫn giữ yêu cầu khởi kiện bà L, bà Ch, bà S, bà L1, bà C giao trả cho bà số tiền bà chăm sóc nuôi bệnh bà Thâu là 213.000.0000 đồng.

- *Trong quá trình tố tụng bà Nguyễn Thị S trình bày:*

Tài sản bà Thâu để lại đúng như bà H trình bày. Năm 2012 bà Thâu chết tất cả chị em đã thống nhất chuyển nhượng đất cho bà diện tích 3.114,7m^2 thuộc thửa 117, tờ bản đồ số 16, tọa lạc ấp Quí Lợi, xã Hòa Lợi, huyện Thạnh Phú với giá 120.000.000 đồng. Bà trực tiếp giao cho bà L, bà Ch 97.000.000 đồng, giao cho bà H 13.000.000 đồng, giao cho bà C 10.000.000 đồng. Khi chuyển nhượng đất do bà tin tưởng nên chỉ làm giấy tay việc mua bán đất mà không lập hợp đồng theo quy định. Từ khi nhận chuyển nhượng, bà trực tiếp sử dụng đất mà không có ai cản trở gì. Do đó bà yêu cầu tất cả chị em phải làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho bà.

Đối với diện tích 2.562,2m^2, thuộc một phần thửa 117A, tờ bản đồ số 16, tọa lạc ấp Quí Lợi, xã Hòa Lợi, huyện Thạnh Phú là di sản của bà Thâu không phải của bà H nên bà yêu cầu Cha thừa kế cho các chị em.

Đối với ngôi nhà trên phần đất diện tích 2.207,8m^2 thuộc thửa 129, tờ bản đồ số 16, tọa lạc ấp Quí Lợi, xã Hòa Lợi, huyện Thạnh Phú thì bà quản lý do từ trước đến nay bà là con gái út sống cùng bà Thâu. Hiện nay bà phải lo thờ cúng ông bà, do đó các chị em có hứa cho bà một phần để cất nhà ở, bà không đồng ý Cha thừa kế.

Đối với số tiền 177.847.000 đồng theo yêu cầu khởi kiện của bà L thì bà không đồng ý giao trả cho bà L. Bà thống nhất với lời trình bày của bà H.

Đối với số tiền 213.000.0000 đồng theo yêu cầu khởi kiện của bà H là đúng bà yêu cầu Tòa án xem xét theo quy định của pháp luật.

Đối với số tiền 3.000.000 đồng thì bà L đã lấy của bà có biên nhận và ông Sáu Đức chứng kiến nên bà yêu cầu bà L phải trả lại cho bà.

Đối với vị trí thửa 111, diện tích 3.250,6m^2 ông Liêu Hoàng Sơn đang quản lý sử dụng là do ông Sơn tự ý lấn Chếm của bà Thâu. Hiện nay bà đang tranh chấp với ông Sơn tại xã Hòa Lợi.

- *Trong quá trình tố tụng bà Nguyễn Thị C trình bày:*

Bà thừa nhận tất cả chị em đã thống nhất chuyển nhượng đất cho bà S có diện tích 3.114.7m^2 thuộc thửa 117, tờ bản đồ số 16, tọa lạc ấp Quí Lợi, xã Hòa Lợi, huyện Thạnh Phú với giá 120.000.000 đồng. Bà S trực tiếp giao cho bà L, bà Ch 97.000.000 đồng, giao cho bà H 13.000.000 đồng, giao cho bà 10.000.000

đồng. Khi chuyển nhượng chỉ làm giấy tay việc mua bán đất mà không lập hợp đồng theo quy định. Từ khi chuyển nhượng bà S trực tiếp sử dụng đất mà không có ai cản trở gì. Do đó bà đồng ý làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho bà S.

Đối với diện tích 2.562,2m^2, thuộc một phần thửa 117A và diện tích 2.207,8m^2 thuộc thửa 129, cùng tờ bản đồ số 16, tọa lạc ấp Quí Lợi, xã Hòa Lợi, huyện Thạnh Phú và ngôi nhà hiện nay do bà S, bà H đang quản lý thì đây là di sản của bà Thâu chưa Cha nên bà yêu cầu Cha thừa kế đều cho tất cả chị em.

Đối với số tiền 177.847.000 đồng theo yêu cầu khởi kiện của bà L thì bà không đồng ý. Bà thống nhất lời trình bày của bà H, bà S.

Đối với số tiền 213.000.0000 đồng theo yêu cầu khởi kiện của bà H là không đúng. Bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà H.

Đối với vị trí thửa 111, diện tích 3.250,6m^2 do ông Liêu Hoàng Sơn đang quản lý sử dụng là di sản của bà Thâu bị ông Sơn lấn Chếm, hiện nay bà đang tranh chấp với ông Sơn tại xã Hòa Lợi.

Trong quá trình tố tụng bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Thị Ch cùng trình bày :

Thống nhất lời trình bày của bà L. Bà Ch, bà L1 đồng ý các chị em phải có nghĩa vụ bán các tài sản của bà Thâu để trả cho bà L số tiền 177.847.000 đồng.

Đối với phần đất đã chuyển nhượng cho bà S thì bà L1, bà Ch thống nhất chuyển nhượng cho bà S diện tích đất đúng số tiền bà S đã trả cho các chị em.

Đối với diện tích 2.562,2m^2, thuộc một phần thửa 117A hiện nay do bà H đang quản lý; ngôi nhà và diện tích 2.207,8m^2 thuộc thửa 129 hiện nay do bà S thì đây là di sản của bà Thâu chưa Cha nên bà L1, bà Ch yêu cầu Cha thừa kế đều cho tất cả chị em.

Đối với số tiền bà H khởi kiện là 213.000.0000 đồng thì bà L1, bà Ch không đồng ý, do bà H không có chứng cứ gì để chứng minh bà H có nuôi bệnh bà Thâu.

Đối với vị trí thửa 111, diện tích 3.250,6m^2 do ông Liêu Hoàng Sơn đang quản lý sử dụng bà L1, bà Ch không tranh chấp thửa đất này.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú đã đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án số: 98/2019/DS-ST ngày 05/4/2019 Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre quyết định:

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, 39, 147, 266 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 631, 634, 635, 636, 674, 675, 676, 685 Bộ Luật Dân sự 2005; Pháp lệnh số 10/2009/PL - UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí của Tòa án và Nghị quyết số 01/2012/NQ – HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về án phí, lệ phí của Tòa án.Tuyên xử:

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Ch, bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị S về việc tiếp tục hợp đồng chuyển nhượng quyền sử đất với bà Nguyễn Thị S. Giao cho bà Nguyễn Thị S được quản lý sử dụng thửa đất diện tích 3.114,7m^2 thuộc một phần thửa 117, tờ bản đồ 16, tọa lạc ấp Quí Lợi, xã Hòa Lợi, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Ch, bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị S về việc yêu cầu Cha thừa kế quyền sử dụng đất diện tích 2.562,2m^2 (LUA) , thuộc một phần thửa 117A và diện tích 2.207,8m^2 thuộc thửa 129 tờ bản đồ số 16, tọa lạc ấp Quí Lợi, xã Hòa Lợi, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Giao cho bà Nguyễn Thị H được quản lý sử dụng thửa đất thuộc vị trí 117A, có diện tích 2.562,2m^2 (LUA), tờ bản đồ 16, tọa lạc ấp Quí Lợi, xã Hòa Lợi, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre. Buộc bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ giao trả cho các đồng thừa kế là bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Ch, bà Nguyễn Thị L1 số tiền 61.777.166 đồng.

Giao cho bà Nguyễn Thị S được quản lý sử dụng ngôi nhà và diện tích 2.207,8m^2 thuộc thửa 129 , tờ bản đồ 16, tọa lạc ấp Quí Lợi, xã Hòa Lợi, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre. Buộc bà Nguyễn Thị S có nghĩa vụ giao trả cho các đồng thừa kế là bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Ch, bà Nguyễn Thị L1 số tiền 165.913.166 đồng.

Buộc bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ giao trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 13.000.000 đồng.

Giao cho bà Nguyễn Thị L số tiền 105.557.834 đồng .Giao cho bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Thị Ch, bà Nguyễn Thị C mỗi người được nhận số tiền 40.710.834 đồng trong tổng số tiền 227.690.332 đồng (của bà S là 165.913.166 đồng và của bà H 61.777.166 đồng).

Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị L về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Ch, bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Thị S giao trả cho bà Ch phí nuôi bệnh bà Huỳnh Thị Thâu với số tiền 100.000.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Ch, bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Thị S giao trả cho bà Ch phí nuôi bệnh bà Huỳnh Thị Thâu với số tiền 213.000.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị S về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị L giao trả cho bà số tiền 3.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 08/4/2019 bà Nguyễn Thị H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Ngày 16/4/2019 ông D là đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, Cha đều các khoản Ch phí nuôi bệnh, mai táng bà Thâu và Cha đều tài sản cho 06 người con.

Tại phiên Toà phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữa yêu cầu khởi kiện, bà H, ông Căn giữ kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn tranh luận: Pháp luật quy định nghĩa vụ của con đối với cha mẹ là nghĩa vụ chung, bà Thâu có 06 người con nên các người con phải cùng chịu các Ch phí nuôi bà Thâu. Đối với căn nhà thì các đồng thừa kế đều thừa nhận căn nhà là của bà Thâu, bà Thâu chết không để lại di chúc. Các đồng thừa kế cũng không đồng ý dùng căn nhà để làm nơi thờ cúng, do đó yêu cầu Cha căn nhà của bà L là có căn cứ. Bà S thừa nhận bán 02 cây mai giá 6.000.000 đồng nhưng bà S không có chứng cứ chứng minh cây mai do bà S trồng. Bà H cho rằng bán cây bạch đàn để làm Ch phí đòi đất là không có căn cứ. Đối với số tiền 10.000.000 đồng mua đá hoa cương là không có căn cứ vì bà C không được các đồng thừa kế giao mua đá và số đá này cũng không dùng vào việc xây mộ cho bà Thâu. Bà H kháng cáo nhưng không có chứng cứ. Đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của ông Căn, bác đơn kháng cáo của bà H.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng theo pháp luật Tố tụng Dân sự. Về N dung: Bà H yêu cầu Cha di sản là thửa đất số 111 đang tranh chấp với ông Liêu H Sơn. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm chưa làm rõ thửa đất đang tranh chấp với ông Liêu H Sơn có phải là di sản thừa kế hay không để Cha thừa kế theo yêu cầu của đương sự. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 3 Điều 308, hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú giải quyết lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; xét kháng cáo của bà H, ông Căn và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Nguyễn Thị L yêu cầu bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Ch, bà Nguyễn Thị S phải có nghĩa vụ giao trả

cho bà L số tiền 177.847.000 đồng. Đồng thời bà L yêu cầu được Cha giá trị một phần thừa kế đối với ngôi nhà gắn liền diện tích 2.207,8m^2 thuộc thửa 129 và diện tích 2.562,2m^2, tại vị trí thửa 117A, cùng tờ bản đồ số 16, tọa lạc ấp Quí Lợi, xã Hòa Lợi, huyện Thạnh Phú. Bị đơn là bà Nguyễn Thị H không đồng ý với yêu cầu của bà L, đồng thời bà H yêu cầu bà L, bà Ch, bà S, bà L1, bà C giao trả cho bà số tiền bà chăm sóc nuôi bệnh bà Thâu là 213.000.0000 đồng.

[2] Xét kháng cáo của bà L và bà H về việc yêu cầu các chị em khác giao trả cho bà số tiền bà chăm sóc nuôi bệnh bà Thâu, nhận thấy: Theo Luật Hôn nhân và gia đình quy định con phải có nghĩa vụ nuôi dưỡng, chăm sóc cha mẹ khi về già. Do đó, việc bà L, bà H bỏ tiền ra nuôi mẹ ruột là bà Thâu là trách nhiệm của các con. Yêu cầu này của ông Căn, bà H cũng không được các chị em khác thừa nhận. Nên N dung kháng cáo này của bà L, bà H không được chấp nhận.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của bà L về việc Cha di sản thừa kế là phần đất có diện tích 2.207,8m^2 thuộc thửa 129 và diện tích 2.562,2m^2, tại vị trí thửa 117A, cùng tờ bản đồ số 16, tọa lạc ấp Quí Lợi, xã Hòa Lợi, huyện Thạnh Phú, HĐXX nhận thấy rằng các đương sự đều thống nhất nguồn gốc đất là của bà Thâu. Khi còn sống bà Thâu đã đăng ký kê khai phần đất trên. Khi bà Thâu chết thì không để lại di chúc. Bà H cho rằng phần đất này đã được bà Thâu để lại cho bà nhưng không được các đồng thừa kế thừa nhận. Xét chứng cứ là "lời trăn trối sau cùng ngày 18/11/2011" do bà H cung cấp thì văn bản này không được công chứng, chứng thực nên không có giá trị pháp lý. Bà H cũng không có chứng cứ gì khác để chứng minh phần đất thuộc quyền sử dụng của bà H. Do đó, yêu cầu Cha thừa kế phần đất của bà L là có cơ sở nên di sản bà Thâu để lại sẽ được Cha cho 06 đồng thừa kế là bà L, bà C, bà H, bà S, bà L1 và bà Ch.

[4] Đối với yêu cầu của bà L về việc yêu cầu các đồng thừa kế thanh toán số tiền xây nhà mồ và Ch phí mai táng cho bà Thâu tổng cộng là 174.847.000 đồng, HĐXX nhận thấy: Bà L có cung cấp được các hóa đơn mua hàng và đây cũng là các Ch phí hợp lý. Các Ch phí này được các đồng thừa kế thống nhất. Các đồng thừa kế thừa nhận mục đích chuyển nhượng đất cho bà S là để xây nhà mồ và trả Ch phí mai táng cho bà Thâu. Do đó, yêu cầu này của bà L là có căn cứ. N dung kháng cáo này của bà H cũng không được chấp nhận.

[5] Đối với số tiền 10.000.000 đồng do bà C mua đá hoa cương để xây mộ cho bà Thâu thì đây cũng là Ch phí hợp lý và được các chị em khác thừa nhận nên kháng cáo của ông Căn về việc xem xét lại số tiền này là không có căn cứ.

[6] Đối với căn nhà xây dựng trên thửa đất số 129 do bà S sinh sống từ trước đến nay. Hiện nay, căn nhà do bà S đang quản lý, sử dụng để làm nơi thờ cúng. Các đồng thừa kế khác đã có nhà cửa ổn định và đã có văn bản thỏa thuận

giao nhà, đất cho bà S nên cần tiếp tục giao căn nhà cho bà S sử dụng để làm nơi thờ cúng. Do đó, kháng cáo của ông Căn về việc Cha thừa kế ngôi nhà không được chấp nhận.

[7] Từ những phân tích nêu trên, HĐXX nhận thấy cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ và toàn diện các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Kháng cáo của bà L, bà H là không có căn cứ để chấp nhận. Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà H, bà L phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

[8] Đối với thửa đất số 111 có diện tích là 3.250m^2 mà bà H đang tranh chấp với ông Liêu Hoàng S thì chưa được xác định là của ai và cũng chưa được xác định có phải là di sản thừa kế hay không. Nếu kết quả giải quyết thửa đất số 111 là di sản của bà Thâu thì các đồng thừa kế của bà Thâu được quyền tranh chấp di sản thừa kế trong một vụ án khác. Do đó, không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1, Điều 308, Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị H và ông D, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 98/2019/DS-ST ngày 05/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú.

Căn cứ vào Điều 631, 634, 635, 636, 674, 675, 676, 685 Bộ Luật dân sự 2005; Pháp lệnh số 10/2009/PL - UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí của Tòa án và Nghị quyết số 01/2012/NQ – HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về án phí, lệ phí của Tòa án. Tuyên xử:

1. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Ch, bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị S về việc tiếp tục hợp đồng chuyển nhượng quyền sử đất với bà Nguyễn Thị S. Giao cho bà Nguyễn Thị S được quản lý sử dụng thửa đất diện tích 3.114,7m^2 thuộc một phần thửa 117, tờ bản đồ 16, tọa lạc ấp Quí Lợi, xã Hòa Lợi, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Ch, bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị S về việc yêu cầu Cha thừa kế quyền sử dụng đất diện tích 2.562,2m^2 (LUA) , thuộc một phần thửa 117A và diện tích 2.207,8m^2 thuộc thửa 129 tờ bản đồ số 16, tọa lạc ấp Quí Lợi, xã Hòa Lợi, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

- Giao cho bà Nguyễn Thị H được quản lý sử dụng thửa đất thuộc vị trí 117A, có diện tích 2.562,2m^2 (LUA), tờ bản đồ 16, tọa lạc ấp Quí Lợi, xã Hòa

Lợi, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre. Buộc bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ giao trả cho các đồng thừa kế là bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Ch, bà Nguyễn Thị L1 số tiền 61.777.166 đồng.

- Giao cho bà Nguyễn Thị S được quản lý sử dụng ngôi nhà và diện tích 2.207,8m^2 thuộc thửa 129, tờ bản đồ 16, tọa lạc ấp Quí Lợi, xã Hòa Lợi, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre. Buộc bà Nguyễn Thị S có nghĩa vụ giao trả cho các đồng thừa kế là bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Ch, bà Nguyễn Thị L1 số tiền 165.913.166 đồng.

- Buộc bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ giao trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 13.000.000 đồng.

- Giao cho bà Nguyễn Thị L số tiền 105.557.834 đồng .Giao cho bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Thị Ch, bà Nguyễn Thị C mỗi người được nhận số tiền 40.710.834 đồng trong tổng số tiền 227.690.332 đồng (của bà S là 165.913.166 đồng và của bà H 61.777.166 đồng).

3. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị L về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Ch, bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Thị S giao trả cho bà Ch phí nuôi bệnh bà Huỳnh Thị Thâu với số tiền 100.000.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Ch, bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Thị S giao trả cho bà Ch phí nuôi bệnh bà Huỳnh Thị Thâu với số tiền 213.000.000 đồng.

4. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị S về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị L giao trả cho bà số tiền 3.000.000 đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Về độ dài tứ cận, vị trí thửa đất có trích lục họa đồ hiện trạng sử dụng đất thửa 117, 129 tờ bản đồ 16 tọa lạc ấp Quí Lợi, xã Hòa Lợi, huyện Thạnh Phú kèm theo.

Bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị S được quyền đến cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định đối với phần đất tranh chấp thuộc một phần thửa đất 117, 129, tờ bản đồ số 16, tọa lạc ấp Quí Lợi, xã Hòa Lợi, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre (có họa đồ kèm theo).

Đối với thửa 111, tờ bản đồ 16, toạ lạc ấp Quí Lợi, xã Hòa Lợi, huyện Thạnh Phú các được sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

5. Về Ch phí đo đạc:

Bà Nguyễn Thị L phải nộp Ch phí đo đạc là 4.289.600 đồng và đã nộp xong.

Về Ch phí định giá: Bà Nguyễn Thị L phải nộp là 450.000 đồng đồng và đã nộp xong.

6. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị L phải nộp là 7.035.541 đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng phí là 8.425.000 đồng theo biên lai thu số 0007437 ngày 14/02/2014 của Ch Cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú. Bà Nguyễn Thị L được Ch Cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú hoàn trả số tiền 1.389.459 đồng.

Bà Nguyễn Thị H phải nộp là 12.685.541 đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng phí là 5.325.000 đồng theo biên lai thu số 0012019 ngày 26/9/2017 của Ch Cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú. Bà Nguyễn Thị H phải nộp tiếp số tiền là 7.360.541 đồng.

Bà Nguyễn Thị S phải nộp là 2.335.541 đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0021687 ngày 18/02/2019 của Ch Cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú. Bà Nguyễn Thị S phải nộp tiếp số tiền là 2.035.541 đồng.

Bà Nguyễn Thị C phải nộp là 2.035.541 đồng.

Bà Nguyễn Thị Ch phải nộp là 2.035.541 đồng.

Bà Nguyễn Thị L1 phải nộp là 2.035.541 đồng.

7. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu số 0001691 ngày 08/4/2019 của Ch cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú là đủ.

Bà Nguyễn Thị L phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu số 0001723 ngày 16/4/2019 của Ch cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú là đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND tỉnh Bến Tre;*
- *TAND huyện Thạnh Phú;*
- *Ch cục THADS huyện Thạnh Phú;*
- *Phòng GĐKT;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Ngọc Dũng

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Các thẩm phán **Thẩm phán - chủ toạ phiên toà**

Nguyễn Thị Ngọc Hương **Hồ Thị Thanh Thúy** **Huỳnh Ngọc Dũng**